# TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 45, 01 - 04/11/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

***"Ẩn số từ thị trường trong nước tiếp tục cản trở đà phục hồi của chỉ số"***

Chứng khoán toàn cầu có tuần giao dịch đầy biến động khi chiều tiêu cực bị chi phối bởi quyết định nâng lãi suất lần thứ 4 của FED. Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ báo hiệu rằng chiến dịch thắt chặt vẫn chưa kết thúc, dù mức tăng lãi suất có thể chậm lại. Tuy nhiên, sự lạc quan lại đến từ việc kỳ vọng nới lỏng các hạn chế Covid tại Trung Quốc. Khép lại tuần qua, Dow Jones thu hẹp đà giảm còn 1.4%, S&P 500 vẫn giảm 3.4%. Chứng khoán châu Âu khởi sắc hơn khi sắc xanh bao phủ, theo đó, Stoxx Euro 600 tăng 1.5%. Châu Á cũng giao dịch tích cực với thị trường Trung Quốc dẫn đầu, Shanghai tăng mạnh 5.3%, và Hang Seng leo thang 8.7%, riêng Nikkei giao dịch quanh tham chiếu.

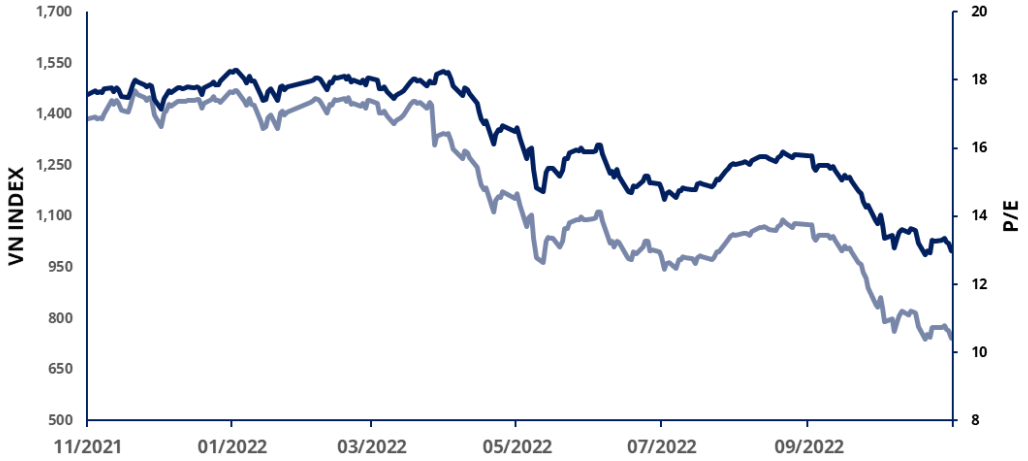
Thị trường hàng hóa có tuần phấn khởi khi kỳ vọng Trung quốc sẽ dỡ bỏ các biện pháp phong tỏa. Dầu thô bật tăng hơn 5% lên mức 92.6 USD/thùng. Các hợp đồng tương lai kim loại cũng hòa chung đà tăng khi cả vàng, bạc, đồng lần lượt tăng mạnh 2.4%, 8.3% và 7.2%. Gía quặng sắt trên sàn Trung Quốc lấy lại một phần đã mất với mức tăng gần 6%. Bên cạnh đó, thị trường tiền số cũng khởi sắc với bitcoin tiếp tục leo dốc lên 21,400 USD.

Chứng khoán Việt Nam trái chiều, các ẩn số trong dòng tiền tiếp tục gây thách thức cho đà phục hồi. Lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh trong tuần qua cùng với những lo ngại trên thị trường trái phiếu vẫn chưa hạ nhiệt, mặc dù đã có nhiều đính chính từ doanh nghiệp, cơ quan trung ương. Thêm vào đó, tỷ giá USD/VND chưa có dấu hiệu suy giảm và vẫn đang neo ở mức cao. Tất cả những điều này tạo nên tâm lý bi quan, thận trọng cho giới đầu tư. Kết tuần, VNIndex giảm 30.2 điểm (-2.9%) về mức 997 điểm; HNX-Index cũng giảm 9.2 điểm (-4.3%) về 205 điểm. Đa số nhóm ngành đều bị điều chỉnh giảm. Bất động sản, Nguyên vật liệu ở chiều giảm điểm tiêu cực, trong khi nhóm Ngân hàng đóng vai trò nâng đỡ chỉ số. Khối ngoại tiếp tục có tuần bán ròng. Tâm điểm tuần sau sẽ là cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ tại Mỹ, cũng như số liệu CPI sẽ được công bố, bên cạnh đó, các dữ liệu kinh tế ở Trung Quốc cũng sẽ được giới đầu tư quan tâm.

Góc nhìn và khuyến nghị: Chỉ số lần nữa quay trở lại kiểm định ngưỡng 1,000 điểm. Tâm lý nhà đầu tư hiện khá thận trọng trước bối cảnh dòng tiền yếu. Dù vậy, vẫn có lực cầu bắt đáy giúp chỉ số thu hẹp đà giảm phiên cuối tuần và ngưỡng hỗ trợ quanh 1,000 điểm tiếp tục phát huy vai trò tốt. Các chỉ báo kĩ thuật chưa quá xấu và vẫn đang ủng hộ quán tính phục hồi. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý là dòng tiền sẽ rất phân hóa thời gian tới, do vậy, chiến lược hiện tại thiên về tập trung cho danh mục nắm giữ. Hỗ trợ gần nhất cho xu hướng là ngưỡng 980 điểm, trong khi kháng cự giờ đây là ngưỡng 1,040 điểm.

| Dữ liệu thị trường tuần | | % Thay đổi | | | | | Định giá | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tên chỉ số | Giá đóng cửa | 1W | 1M | 3M | YTD | Xu hướng | P/E | P/B | Vốn hóa (Tỷ USD) |
| VN-Index | 997 | -2.9 | -3.7 | -20.4 | -33.4 | | 10.4 | 1.6 | 160 |
| Upcom Index | 74 | -2.4 | -7.2 | -18.7 | -34.1 | | 11.8 | 1.3 | 40 |
| HNX Index | 205 | -4.3 | -9.5 | -31.8 | -56.8 | | 13.0 | 1.2 | 10 |
| VN30 Index | 998 | -3.1 | -4.0 | -21.6 | -35.0 | | 8.5 | 1.6 | 113 |
| S&P 500 Index | 3,771 | -3.4 | 3.6 | -9.0 | -20.9 | | 18.2 | 3.8 | 32,966 |
| STOXX Europe 600 Index | 417 | 1.5 | 6.5 | -4.3 | -14.5 | | 14.3 | 1.7 | 11,476 |
| Hang Seng | 16,161 | 8.7 | -8.9 | -20.0 | -30.9 | | 6.2 | 0.7 | 2,261 |
| Nikkei 225 | 27,200 | -0.2 | 0.3 | -3.5 | -5.5 | | 26.4 | 1.6 | 3,257 |
| SHCOMP Index | 3,071 | 5.3 | 1.5 | -4.8 | -15.6 | | 13.8 | 1.4 | 6,023 |
| STI Index | 3,130 | 2.3 | -0.5 | -4.7 | 0.2 | | 11.2 | 1.1 | 345 |
| KOSPI Index | 2,348 | 2.4 | 5.2 | -5.7 | -21.1 | | 10.5 | 0.9 | 1,262 |

**Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm**




Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

# WEEKLY SNAPSHOT
## Theo vốn hóa và ngành

**Theo giá trị vốn hóa**

| Giá trị vốn hóa | 1W | 1M | YTD | % Thay đổi GTGD 1W | % Thay đổi GTGD 1M | % Thay đổi GTGD 3M | % Tỷ trọng GTGD Current | % Tỷ trọng GTGD Change | Định giá P/E | Định giá P/B | Vốn hóa (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Large Cap | -2.7 | -8.4 | -29.6 | 12.9 | 10.3 | -2.9 | 69.8 | 4.0 | 10.3 | 1.7 | 3,393,241 |
| Mid Cap | -4.1 | -14.4 | -39.1 | -5.3 | -12.2 | -40.6 | 28.8 | -3.5 | 10.9 | 1.0 | 506,415 |
| Small Cap | -3.5 | -17.2 | -50.1 | -21.5 | -25.5 | -60.4 | 1.5 | -0.5 | 10.8 | 0.6 | 73,715 |

**Theo ngành**

| Tên ngành | 1W | 1M | YTD | % Thay đổi GTGD 1W | % Thay đổi GTGD 1M | % Thay đổi GTGD 3M | % Tỷ trọng GTGD Current | % Tỷ trọng GTGD Change | Định giá P/E | Định giá P/B | Vốn hóa (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Ngân hàng | -0.3 | -2.3 | -27.4 | 32.0 | 30.4 | 36.1 | 24.9 | 4.8 | 7.1 | 1.3 | 1,255,897 |
| Tiện ích Cộng đồng | -0.7 | -3.0 | 7.9 | -13.2 | -26.7 | -53.5 | 1.7 | -0.4 | 13.3 | 2.1 | 317,580 |
| Hàng Tiêu dùng | -0.9 | -3.8 | -19.9 | -5.3 | -14.8 | -38.6 | 10.1 | -1.2 | 14.5 | 2.5 | 564,686 |
| Dầu khí | -2.3 | -13.3 | -43.2 | -8.3 | -28.4 | -37.4 | 1.8 | -0.3 | 50.2 | 1.7 | 46,015 |
| Dược và Y tế | -2.5 | -5.9 | -23.9 | -31.7 | -4.8 | -36.9 | 0.2 | -0.1 | 12.6 | 1.7 | 29,665 |
| Công nghiệp | -3.2 | -13.0 | -32.8 | 0.4 | -10.0 | -40.3 | 8.9 | -0.5 | 10.6 | 1.0 | 202,140 |
| Công nghệ Thông tin | -3.8 | -9.5 | -12.9 | -6.5 | -18.7 | -39.9 | 1.0 | -0.1 | 14.7 | 2.6 | 91,103 |
| Tài chính | -5.2 | -17.7 | -42.6 | -6.0 | -4.5 | -28.2 | 28.1 | -3.7 | 14.7 | 1.4 | 967,338 |
| Dịch vụ Tiêu dùng | -8.7 | -17.9 | -31.7 | 0.0 | -3.7 | -26.4 | 5.0 | -0.3 | n.a | 3.4 | 181,819 |
| Nguyên vật liệu | -9.0 | -18.6 | -51.6 | 18.0 | 12.3 | -10.2 | 18.4 | 1.8 | 6.0 | 1.0 | 256,113 |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

# WEEKLY SNAPSHOT

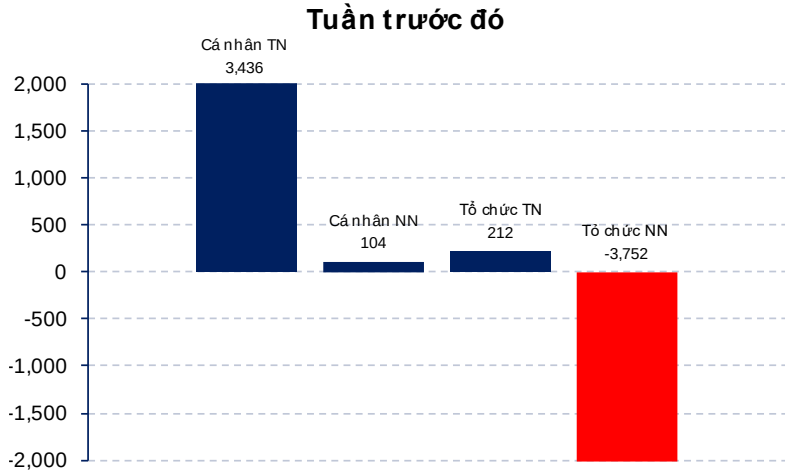
## Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

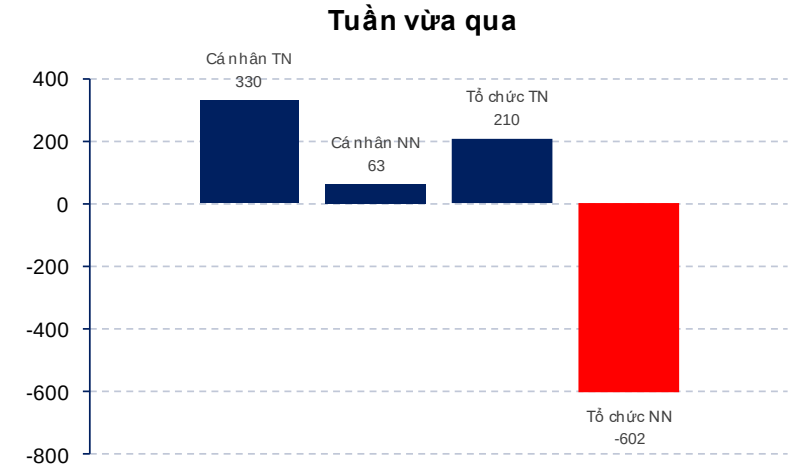
| Tên ETF | Tài sản (Triệu USD ) | Dòng vốn ròng (Triệu USD) | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | 1W | 1M | 3M | YTD |
| **Tổng các quỹ ETF** | **2,432** | **21.98** | **97.65** | **122.6** | **242.8** |
| **Nước ngoài** | **1,447** | **12.55** | **84.20** | **114.1** | **298.2** |
| VanEck Vectors Vietnam ETF | 306 | 5.22 | 26.56 | 24.6 | 8.6 |
| Fubon FTSE Vietnam ETF | 484 | 7.77 | 58.09 | 77.5 | 517.2 |
| iShares MSCI Frontier and Select EM ETF | 305 | 0.00 | 0.00 | 0.0 | -49.4 |
| Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF | 224 | 0.00 | 0.00 | 15.4 | -71.8 |
| KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF | 98 | 0.00 | 0.00 | -3.2 | -110.6 |
| Premia MSCI Vietnam ETF | 17 | -0.45 | -0.45 | -0.5 | -0.3 |
| KIM KINDEX Vietnam VN30 Future | 3 | 0.00 | 0.00 | 0.0 | -8.5 |
| Asian Growth CUBS ETF | 10 | 0.00 | 0.00 | 0.2 | 13.0 |
| **Trong nước** | **985** | **9.43** | **13.45** | **8.5** | **-55.4** |
| DCVFMVN Diamond ETF | 567 | 0.00 | 0.00 | 0.0 | -119.5 |
| DCVFMVN30 ETF Fund | 267 | 2.30 | 8.20 | -2.3 | 0.0 |
| SSIAM VNFIN LEAD ETF | 110 | 11.25 | 9.29 | 13.9 | 0.1 |
| MAFN VN30 ETF | 25 | -4.18 | -4.28 | -3.3 | 55.3 |
| SSIAM VNX50 ETF | 9 | 0.06 | 0.24 | 0.2 | 2.4 |
| VinaCapital VN100 ETF | 4 | 0.00 | 0.00 | 0.0 | 0.0 |
| SSIAM VN30 ETF | 3 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 6.4 |

| Quốc gia | Dòng vốn ròng (Triệu USD) | | | |
|---|---|---|---|---|
| | WTD | MTD | QTD | YTD |
| Trung Quốc | n.a | 67,469 | 31,492 | -85,296 |
| Ấn độ | 1,850 | 1,011 | 2,036 | -20,517 |
| Indonesia | 53 | -9 | 721 | 5,557 |
| Nhật Bản | 2,283 | 12,213 | 12,213 | -6,141 |
| Maylaysia | -72 | -70 | -198 | 1,396 |
| Philippines | 13 | 13 | 2 | -1,223 |
| Hàn Quốc | 1,040 | 860 | 2,989 | -10,528 |
| Sri Lanka | 1 | 1 | 7 | 44 |
| Đài Loan | -653 | -813 | -3,845 | -48,412 |
| Thái Lan | 375 | 265 | 492 | 5,009 |
| Việt Nam | -34 | -32 | -113 | -166 |

Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm




Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam



Shinhan Securities

# WEEKLY SNAPSHOT

## Top cổ phiếu đáng chú ý

### HSX

**Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất**

| TT | Mã CP | Ngành | 52 Tuần | Giá đóng cửa | % Thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TPC | Hóa chất | 6.68 - 11.80 | 6.7 | -18.34% |
| 2 | UDC | Xây dựng và Vật liệu | 5.56 - 18.65 | 5.8 | -18.34% |
| 3 | HSL | Thực phẩm và đồ uống | 4.00 - 11.36 | 4.0 | -16.49% |
| 4 | LEC | Bất động sản | 7.01 - 15.80 | 7.8 | -15.57% |
| 5 | NVL | Sản xuất nông nghiệp | 59.90 - 91.00 | 59.9 | -14.43% |

**Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất**

| % Thay đổi | Giá đóng cửa | 52 Tuần | Ngành | Mã CP |
|---|---|---|---|---|
| 30.10% | 3.9 | 2.47 - 14.65 | Tài nguyên Cơ bản | TNI |
| 19.14% | 47.0 | 26.10 - 48.30 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | STG |
| 13.48% | 32.0 | 25.95 - 95.12 | Bất động sản | HDC |
| 13.46% | 11.8 | 9.50 - 24.10 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | PMG |
| 12.56% | 32.0 | 3.35 - 14.40 | Bán lẻ | PIT |

### HNX

**Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất**

| TT | Mã CP | Ngành | 52 Tuần | Giá đóng cửa | % Thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CTC | Du lịch và Giải trí | 1.60 - 11.80 | 1.6 | -20.00% |
| 2 | PMP | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 12.00 - 43.80 | 12.0 | -19.46% |
| 3 | BST | Truyền thông | 12.50 - 23.00 | 13.0 | -18.75% |
| 4 | API | Bất động sản | 8.10 - 49.55 | 8.1 | -18.18% |
| 5 | KKC | Tài nguyên Cơ bản | 7.90 - 27.50 | 7.9 | -17.71% |

**Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất**

| % Thay đổi | Giá đóng cửa | 52 Tuần | Ngành | Mã CP |
|---|---|---|---|---|
| 38.92% | 43.9 | 28.60 - 43.90 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | HJS |
| 16.11% | 20.9 | 12.50 - 22.80 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | VCM |
| 15.85% | 9.5 | 6.17 - 17.04 | Xây dựng và Vật liệu | VTZ |
| 12.82% | 22.0 | 18.10 - 34.90 | Hóa chất | PCE |
| 12.12% | 14.8 | 13.20 - 24.50 | Tài nguyên Cơ bản | VIF |

### Upcom

**Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất**

| TT | Mã CP | Ngành | 52 Tuần | Giá đóng cửa | % Thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | BBM | Thực phẩm và đồ uống | 6.30 - 16.90 | 8.1 | -34.68% |
| 2 | PTN | Bất động sản | 8.30 - 16.40 | 8.3 | -30.25% |
| 3 | HTE | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 3.50 - 10.60 | 3.5 | -30.00% |
| 4 | BKH | Thực phẩm và đồ uống | 20.30 - 35.70 | 23.6 | -29.55% |
| 5 | VEC | Công nghệ Thông tin | 10.00 - 23.00 | 10.0 | -28.57% |

**Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất**

| % Thay đổi | Giá đóng cửa | 52 Tuần | Ngành | Mã CP |
|---|---|---|---|---|
| 60.40% | 16.2 | 9.10 - 20.00 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | PAP |
| 34.02% | 13.0 | 8.50 - 16.00 | Tài nguyên Cơ bản | MIC |
| 32.22% | 23.8 | 18.00 - 34.90 | Tài nguyên Cơ bản | DFC |
| 31.58% | 15.0 | 8.90 - 20.40 | Xây dựng và Vật liệu | TVA |
| 29.51% | 39.5 | 7.80 - 44.60 | Xây dựng và Vật liệu | BMN |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

## Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

| STT | Mã | Tên công ty | Ngành | Giá trị giao dịch | | Giá cổ phiếu | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | TB Ngày (Triệu VND) | %1W | Giá | Biến động 52 tuần | %1W |
| 1 | PGI | Bảo hiểm PJICO | Thực phẩm và đồ uống | 546.3 | 185.2 | 27.0 | 21.08 - 37.40 | 0.7 |
| 2 | BMP | Nhựa Bình Minh | Xây dựng và Vật liệu | 8,200.1 | 137.7 | 61.0 | 52.00 - 67.50 | -1.8 |
| 3 | CMG | Tập đoàn CMC | Công nghệ Thông tin | 4,363.9 | 137.7 | 34.3 | 33.00 - 54.80 | -13.4 |
| 4 | HPX | Đầu tư Hải Phát | Bất động sản | 16,207.0 | 131.9 | 25.6 | 24.00 - 40.50 | -2.3 |
| 5 | OCB | Ngân hàng Phương Đông | Ngân hàng | 26,570.9 | 128.0 | 13.9 | 11.80 - 31.70 | 4.9 |
| 6 | SJS | SUDICO | Bất động sản | 1,044.4 | 121.7 | 60.0 | 53.50 - 99.50 | -4.8 |
| 7 | VIB | VIBBank | Ngân hàng | 96,274.8 | 119.9 | 19.8 | 17.90 - 36.30 | 0.3 |
| 8 | HDB | HDBank | Ngân hàng | 50,405.3 | 89.6 | 15.4 | 14.90 - 27.16 | -6.7 |
| 9 | VPB | VPBank | Ngân hàng | 319,161.5 | 84.6 | 17.0 | 14.30 - 27.37 | 3.7 |
| 10 | TDC | Becamex TDC | Xây dựng và Vật liệu | 26,548.4 | 76.1 | 11.9 | 10.25 - 32.50 | -11.6 |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

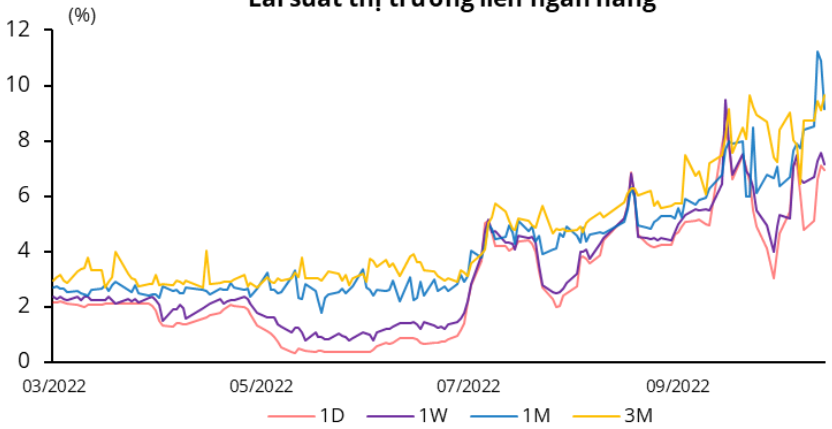
### Tỷ giá

| | Giá | %1W | %1M | %3M | %YTD | Trend |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 110.88 | 0.11 | 0.74 | 4.90 | 15.90 | |
| VND/USD | 24,865 | 0.15 | 4.13 | 6.32 | 8.93 | |
| KRW/USD | 1,419.05 | -0.18 | -0.52 | 8.31 | 19.36 | |
| JPY/USD | 146.62 | -0.66 | 1.73 | 10.33 | 27.41 | |
| EUR/USD | 1.00 | 0.08 | 0.29 | 2.90 | 14.22 | |
| SGD/USD | 1.41 | -0.28 | -1.13 | 2.22 | 4.29 | |
| CNY/USD | 7.19 | -0.93 | 0.97 | 6.46 | 13.04 | |

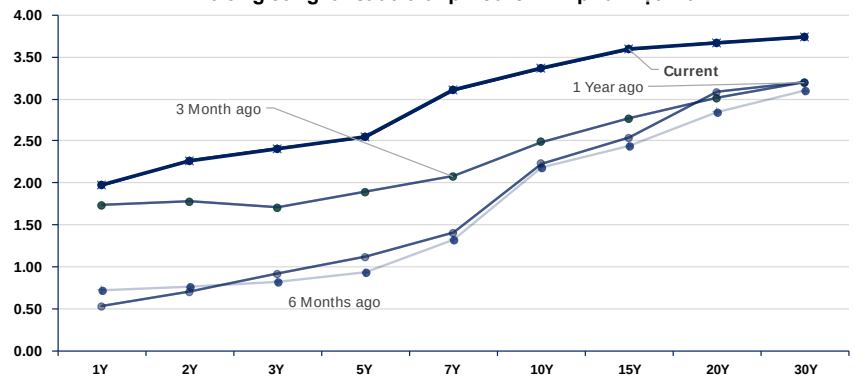
### Hàng hóa

| | Giá | %1W | %1M | %3M | %YTD | Trend |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Dầu thô | 92.61 | 5.36 | 7.04 | 4.60 | 23.14 | |
| Xăng | 273.48 | -5.91 | 1.93 | -2.10 | 22.72 | |
| Gas | 6.40 | 12.60 | -6.39 | -21.20 | 71.58 | |
| Than | 349.50 | -9.39 | -13.49 | -9.22 | 106.07 | |
| Vàng | 1,681.87 | 2.25 | -2.56 | -6.11 | -8.05 | |
| Bạc | 20.86 | 8.30 | -0.95 | 3.37 | -10.51 | |
| Platinum | 964.16 | 1.71 | 3.15 | 3.54 | -0.47 | |
| Quặng sắt | 85.16 | -8.44 | -10.56 | -20.43 | -24.30 | |
| Thép cán | 3,759.00 | -1.00 | -6.72 | -6.89 | -20.85 | |
| Lúa mì | 847.75 | 2.23 | -6.12 | 8.34 | 9.99 | |
| Ngô | 681.00 | 0.04 | -0.29 | 13.08 | 14.79 | |
| Gỗ | 435.00 | -6.85 | 0.23 | -13.00 | -62.10 | |

### Lãi suất thị trường liên ngân hàng




### Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam




| TG đáo hạn | 1 Yr | 2 Yrs | 3 Yrs | 5 Yrs | 7 Yrs | 10 Yrs | 15 Yrs | 20 Yrs | 30 Yrs |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Lãi suất | 1.98 | 2.27 | 2.41 | 2.54 | 3.11 | 3.37 | 3.59 | 3.67 | 3.74 |
| Thay đổi (BPS) | 2.50 | 5.40 | 10.70 | 0.20 | -3.30 | -5.30 | -4.30 | -0.20 | -0.44 |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

## Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

## Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.